

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Tên CTQLQ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TCC”)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (“TCFF”)
  - Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
  - Email: [IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn](mailto:IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn) Website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố:  
Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (TCFF) bán niên năm 2025.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 13/08/2025 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**



**Phí Tuấn Thành**  
**Tổng Giám Đốc**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ**  
**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG LINH HOẠT TECHCOM BÁN NIÊN 2025**  
(trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”)

(Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- a) Tên Quỹ, loại hình quỹ : Quỹ Đầu Tư Cân bằng Linh hoạt Techcom (“TCFF”) (trước đây là “Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom”) Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ : Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ : Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu : Không áp dụng
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận : Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại báo cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp



thuận của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, bản cáo bạch. Khối lượng Đơn vị Quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày chốt danh sách Nhà Đầu tư hoặc một giá trị khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn vị Quỹ, giá trị tài sản ròng trên Đơn vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.

f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 7.875.727,52 (thời điểm 30/06/2025)

g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2024 lần thứ hai tổ chức ngày 23/05/2025 đã thông qua Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung, thông tin chi tiết tham khảo tại điều 9 nội dung Nghị quyết đại hội nhà đầu tư nêu tại điểm h) bên dưới và được công bố thông tin trên website của công ty QLQ theo đường link bên dưới:

<https://www.techcomcapital.com.vn/tcff-cbtt-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-tai-chinh-2024-lan-thu-hai/>

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2024 lần thứ hai tổ chức ngày 23/05/2025 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

**Điều 1:**

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 2:**

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Quỹ được đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 3:**

Thông qua Báo cáo ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đính kèm cùng báo cáo tài chính đã kiểm toán đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 4:**

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2024 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 5:**

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

**Điều 6:**

Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025:

| STT | Loại chi phí                | Ngân sách năm 2025 (VNĐ) |
|-----|-----------------------------|--------------------------|
| I   | Thù lao Ban Đại diện        | 180.000.000              |
| II  | Chi phí đi lại và khách sạn | 33.500.000               |
| 1   | Chi phí vé máy bay          | 3.000.000                |
| 2   | Chi phí khách sạn           | 20.500.000               |

|     |                                                      |                    |
|-----|------------------------------------------------------|--------------------|
| 3   | Chi phí phòng họp                                    | 10.000.000         |
| III | Các chi phí khác liên quan đến cuộc họp Ban Đại diện | 5.000.000          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                     | <b>218.500.000</b> |

#### **Điều 7:**

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam** thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2025.

#### **Điều 8:**

Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2024 thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ:

- Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm.
- Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website.
- Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt

#### **Điều 9:**

Thông qua các nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ:

#### **1 Cập nhật địa chỉ của Công ty Quản lý Quỹ**

Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

(\*) Ngày 17/07/2025, Quỹ đã thực hiện công bố thông tin về việc thay đổi địa chỉ Công ty quản lý quỹ theo Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/04/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025 như sau:

Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

#### **2 Cập nhật nội dung nêu tại phần CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật

Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

### **3 Bổ sung nội dung nêu tại phần CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH**

“Ngày định giá” Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

### **4 Cập nhật nội dung nêu tại Điều 10. Hạn mức đầu tư**

10.1. Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:

**5 Bổ sung tại khoản 2 tại Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện quỹ và thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

26.2 Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, (trong đó có bao gồm trường hợp xác định giá trị tài sản khi giá thị trường của tài sản có biến động lớn (nếu áp dụng)); danh sách các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b khoản 3, Điều 9, Điều lệ quỹ; Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán).

**6 Cập nhật nội dung nêu tại Điều 40. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan**

40.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

**7 Sửa đổi khoản 2, 3, 4 và 5 tại Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ**

54.2 Tại Ngày Định Giá cho mục đích giao dịch chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV và NAV trên một Chứng chỉ quỹ;

- Công Ty Quản Lý Quỹ công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ được tính tại ngày làm việc liền sau Ngày Định Giá

54.3 Trong ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

54.4 Trong ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho Đại Lý Phân Phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư.

54.5 Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Công ty Quản lý Quỹ sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư. Chi tiết ngày thanh toán tiền mua lại chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ công bố trên trang thông tin điện tử (website) theo từng thời kỳ.

**8 Bổ sung tại Điều 57. Phân phối lợi nhuận**

**57.8 Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ**

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà Đầu tư có thể thực hiện bán lại Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ về giao dịch chứng chỉ Quỹ.

**9 Bổ sung tại khoản 2 tại Điều 58. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký**

Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

**10 Cập nhật các thông tin liên quan đến Chứng minh nhân dân (CMND) thay bằng Căn cước công dân (CCCD) trong toàn bộ nội dung.**

**11 Bổ sung nội dung phần 5. Trái phiếu niêm yết tại phần A – Giá trị tài sản tại Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản**

- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá *hoặc giá thị trường có biến động lớn theo quy định tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận*, là một trong các mức giá sau:

+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

**12 Cập nhật tại Phụ lục IV. Phương pháp xác định giá trị tài sản tại phần Ghi chú mục A- Giá trị tài sản:**

.....

- Các phương thức định giá do Ban Đại Diện Quỹ *phê duyệt* được *quy định* chi tiết tại Sổ tay định giá.

**Điều 10:**

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(\*) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ:

### 2.1. Thông tin về danh mục đầu tư Quỹ

|                                        | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2024</i> | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2024</i> | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2023</i> |
|----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Danh mục chứng khoán cơ cấu            | 91,33%                               | 84,73%                               | 85,70%                               |
| Tiền gửi và các khoản tương đương tiền | 6,85%                                | 13,71%                               | 12,14%                               |
| Tài sản khác                           | 1,83%                                | 1,56%                                | 2,16%                                |
| <b>Tổng</b>                            | <b>100%</b>                          | <b>100%</b>                          | <b>100%</b>                          |

#### \*) Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

|                                                                    | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2025</i> | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2024</i> | <i>Ngày 30 tháng 06<br/>năm 2023</i> |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ                                       | 112.637.963.975                      | 170.913.182.085                      | 78.478.861.375                       |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành                                | 7.875.727,52                         | 12.275.693,77                        | 6.140.648,76                         |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)            | 14.301,91                            | 13.922,89                            | 12.780,22                            |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ            | 14.303,47                            | 14.499,55                            | 12.801,55                            |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ           | 12.723,08                            | 13.473,50                            | 10.745,09                            |
| <b>Thu nhập của Quỹ</b>                                            |                                      |                                      |                                      |
| Tiền lãi được nhận                                                 | 2.948.514.324                        | 2.057.807.828                        | 316.602.054                          |
| Trái tức/cổ tức được nhận                                          | 387.700.000                          | 668.850.000                          | 2.490.586.931                        |
| Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư                                      | -2.112.407.713                       | 5.934.765.942                        | -2.043.321.041                       |
| Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 3.197.102.358                        | -5.824.583.611                       | 10.397.241.841                       |
| Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ                                    | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       |
| Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ                                   | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       |
| Ngày chốt quyền                                                    | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       | Chưa phân phối                       |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)                                | 2,38%                                | 2,96%                                | 3,08%                                |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%)                                      | 192,70%                              | 448,59%                              | 138,21%                              |

## 2.2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

### Tăng trưởng qua các thời kỳ

|                                        | <i>1 năm đến<br/>thời điểm báo<br/>cáo (%)</i> | <i>3 năm đến<br/>thời điểm<br/>báo cáo (%)</i> | <i>5 năm đến<br/>thời điểm<br/>báo cáo (%)</i> | <i>Từ khi thành lập<br/>đến thời điểm<br/>báo cáo (%)</i> |
|----------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ      | -0,84%                                         | 11,16%                                         | 23,77%                                         | 34,53%                                                    |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ           | 3,20%                                          | 2,93%                                          | 3,70%                                          | 4,55%                                                     |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ          | 2,72%                                          | 17,06%                                         | 30,90%                                         | 43,02%                                                    |
| Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ | 2,72%                                          | 5,39%                                          | 5,53%                                          | 5,59%                                                     |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu        | -32,15%                                        | 21,24%                                         | 123,41%                                        | Không áp dụng                                             |

## 2.3. Các chỉ tiêu so sánh khác: Không có

**2.4. Khuyến cáo:** các thông tin về kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa việc đầu tư sẽ đảm bảo khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

## 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không có danh mục tham chiếu
- Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Trong kỳ quỹ không thay đổi chiến lược đầu tư
- Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:  
Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên.
- Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30

tháng 06 năm 2025 của Quỹ đã được soát xét, giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (“NAV/CCQ”) của Quỹ tăng 2,72% so với thời điểm 30 tháng 06 năm 2024.

- h) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có
- i) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small - cap)...

### ***Kinh tế vĩ mô***

Kinh tế Việt Nam trong Quý II và 6 tháng đầu năm 2025 tiếp tục thể hiện đà tăng trưởng ấn tượng và toàn diện. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II tăng gần 8% so với cùng kỳ năm trước, đẩy tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm lên 7,5%, mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Đà tăng trưởng này được dẫn dắt bởi sự phục hồi mạnh mẽ và đồng đều ở cả ba khu vực kinh tế, khẳng định các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh và kích cầu tiêu dùng của Chính phủ đang phát huy hiệu quả.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục là trụ cột chính của nền kinh tế khi tăng trưởng 8,3% trong 6 tháng đầu năm, đóng góp 42,2% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng tăng 9,2%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,1%. Sự phục hồi của sản xuất, đặc biệt ở các ngành công nghiệp trọng điểm, không chỉ thúc đẩy hoạt động xuất khẩu mà còn tạo nền tảng vững chắc cho nhóm cổ phiếu ngành liên quan. Lĩnh vực xây dựng cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhờ việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ, tạo động lực cho các doanh nghiệp vật liệu xây dựng và hạ tầng.

Hoạt động thương mại quốc tế là một điểm sáng nổi bật. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm đạt 432,0 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ, với cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu ước tính 7,6 tỷ USD. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam trong 6 tháng đạt 11,7 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Những con số này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế và năng lực cạnh tranh ngày càng cao của hàng hóa Việt Nam, mang lại triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực khu công nghiệp, logistics và sản xuất.

Khu vực dịch vụ ghi nhận sự bùng nổ mạnh mẽ với mức tăng trưởng 8,1% trong 6 tháng, cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm tăng 9,3% so với cùng kỳ. Ngành du lịch tiếp tục là động lực chính khi khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm đạt hơn 10,7 triệu lượt người, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa và du lịch tạo đà tăng trưởng vững chắc cho các doanh nghiệp ngành bán lẻ, dịch vụ, vận tải và hàng không.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,3% so với cùng kỳ, nằm trong ngưỡng an toàn do Quốc hội đề ra, cho thấy sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng tín dụng tiếp tục được duy trì ở mức cao, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, góp phần củng cố đà phát triển của nhóm ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính.

### ***Thị trường chứng khoán***

Diễn biến kinh tế vĩ mô tích cực đã tạo bệ đỡ vững chắc cho thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong Quý II/2025. Mặc dù phải đối mặt với những biến động khó lường từ thị trường tài chính toàn cầu, VN-Index vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư vào tiềm năng của nền kinh tế.

Trong 6 tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 21.297 tỷ đồng/phiên, tăng 1,4% so với bình quân năm 2024. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng tiếp tục dẫn dắt thị trường nhờ kết quả kinh doanh khả quan và triển vọng tăng trưởng tín dụng cả năm được duy trì ở mức cao. Nhóm cổ phiếu công nghiệp và vật liệu xây dựng hưởng lợi trực tiếp từ việc đẩy mạnh đầu tư công và sự phục hồi của ngành sản xuất, chế tạo. Nhóm cổ phiếu bán lẻ, du lịch và hàng không ghi nhận sự tăng trưởng tích cực nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa và hoạt động du lịch quốc tế. Ngoài ra, việc hệ thống giao dịch KRX chính thức đi vào vận hành từ ngày 05/05/2025 đã có tác động tích cực đến thanh khoản thị trường và tâm lý nhà đầu tư, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngành dịch vụ tài chính.

Trên thị trường trái phiếu, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 14.050 tỷ đồng/phiên, tăng 19,0%, cho thấy đây vẫn là một kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế.

### ***Thị trường trái phiếu nửa đầu năm 2025***

Trên thị trường trái phiếu chính phủ sơ cấp 1H/2025, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã huy động thành công 201.390 tỷ đồng trên tổng số 314.000 tỷ đồng gọi thầu. Khối lượng gọi thầu và phát hành nửa đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ với lãi suất trúng thầu trung bình tăng nhẹ. Cụ thể, khối lượng gọi thầu và khối lượng phát hành tăng lần lượt 21% và 29% so với cùng kỳ. Tỷ lệ trúng thầu đạt 64,1%, cao hơn cùng kỳ năm ngoái (60%). Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 6 tháng đầu năm 2025 là 201.390 tỷ đồng, tương đương 40,3% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng) và đạt 75,8% kế hoạch quý II (120.000 tỷ đồng). Kỳ hạn phát hành bình quân trong quý 2 là 9.28 năm, lãi suất trúng thầu bình quân là 2.93%/năm.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPCP và TPCP bảo lãnh trong Q2/2025 là 880.118 tỷ đồng, tăng 11,2% so với Q1/2025. Trong đó, giá trị giao dịch Outright chiếm 71%, còn lại là giao dịch Repo. Giá trị giao dịch trung bình ngày của giao dịch Outright và Repo lần lượt đạt 10.217 tỷ (tăng 8,4% so với quý trước) và 4.211 tỷ đồng (hạ 0,35%). Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn. Trong

đó, lợi suất các kỳ hạn 5 năm và 7 năm có mức tăng mạnh nhất, lần lượt là 18.9 và 19.1 điểm cơ bản, lợi suất kỳ hạn 4, 10, và 15 năm tăng từ 10.7 - 13.2 điểm cơ bản. Trong khi đó, lợi suất các kỳ hạn còn lại đạt mức tăng khiêm tốn hơn, từ điểm cơ bản so với cuối tháng trước.

### ***Thông tin về triển vọng thị trường***

Với những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, triển vọng TTCK Việt Nam năm 2025 được đánh giá là có triển vọng dựa trên các động lực tăng trưởng chính sau:

Tăng trưởng kinh tế ổn định và thanh khoản thị trường bền vững. Mục tiêu tăng trưởng GDP 8% cho cả năm 2025 do Quốc hội đề ra tuy thách thức nhưng khả thi nhờ quyết tâm của Chính phủ trong việc cải cách và đổi mới môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc này giúp các doanh nghiệp niêm yết duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thị trường chứng khoán duy trì sự ổn định và thanh khoản cao, được hỗ trợ bởi dòng vốn ngoại tích cực và kỳ vọng nâng hạng thị trường trong năm 2025.

Nỗ lực nâng hạng thị trường và hoàn thiện khung pháp lý. Chính phủ xác định năm 2025 là thời điểm then chốt để hoàn tất các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi, với FTSE Russell dự kiến công bố quyết định vào tháng 9/2025. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi các điều lệ giao dịch chứng khoán, đồng thời hoàn thiện các quy định về giao dịch, thanh toán và bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc bãi bỏ yêu cầu ký quỹ 100% đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Những bước tiến này được kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn ngoại, nâng cao vị thế và tính cạnh tranh của thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa cuối năm 2025.

Đẩy mạnh đầu tư công và phục hồi sản xuất. Việc tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công theo Thông tư 37/2025/TT-BTC cùng với hướng dẫn thủ tục đầu tư đặc biệt của Nghị định 19/2025/NĐ-CP đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án lớn, thúc đẩy phát triển các ngành xây dựng, vật liệu, bất động sản và logistics. Đồng thời, chiến lược dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu ("Trung Quốc +1") cùng sự gia tăng đơn hàng xuất khẩu đã củng cố sự phục hồi bền vững của ngành sản xuất, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế năm 2025.

Hệ thống tài chính - ngân hàng lành mạnh. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% cùng với các nỗ lực xử lý nợ xấu và cải thiện cơ chế cho vay sẽ giúp ngành ngân hàng duy trì hiệu quả hoạt động và thúc đẩy nền kinh tế.

Đẩy mạnh chuyển đổi số. Việc ứng dụng công nghệ và cải cách hành chính sẽ giúp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng tính minh bạch và hiệu quả, từ đó thu hút thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Nhìn chung, triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam 2025 là tương đối tích cực và đây cũng là bước khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới trong giai đoạn 2025 - 2030. Sự cộng hưởng từ các yếu tố vĩ mô tích cực, nỗ lực cải cách từ Chính phủ và tiềm năng của doanh nghiệp dự đoán mở ra nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn, tạo tiền đề cho một giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong dài hạn.

### ***Trái phiếu chính phủ***

Mặt bằng lãi suất TPCP dự kiến sẽ tiếp tục có xu hướng tăng nhẹ là chủ đạo trong Q3/2025, với lợi suất kỳ hạn 10 năm ở mức 3,20% - 3,40%/năm. Các yếu tố tạo áp lực với mặt bằng lãi suất TPCP trong Q3/2025:

- Trên thị trường quốc tế, Chiến tranh thương mại leo thang giữa Mỹ và các nước có thặng dư xuất khẩu với Mỹ (đặc biệt là Trung Quốc), khiến kỳ vọng lạm phát trên thế giới gia tăng, FED cũng như các NHTW khác sẽ thận trọng hơn trong việc cắt giảm lãi suất điều hành.
- KBNN trong 6 tháng đầu năm phát hành thành công 201 nghìn tỷ đồng TPCP, đạt xấp xỉ 40% kế hoạch cả năm với mức lợi suất phát hành tăng nhanh chóng để thu hút nhà đầu tư. Như vậy từ nay đến hết 31/12/2025, KBNN cần phát hành 298 nghìn tỷ đồng, với khối lượng trúng thầu ở mức rất cao, trung bình hơn 11 nghìn tỷ đồng/phiên. Dưới chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ để đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, KBNN chịu áp lực hoàn thành chỉ tiêu lớn này khả năng cao sẽ cần chấp nhận mức lợi suất phát hành cao hơn nữa để đạt được kế hoạch.

- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

|                                                                    | <i>Ngày 30 tháng 06</i> | <i>Ngày 30 tháng 06</i> | <i>Ngày 30 tháng 06</i> |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Thu nhập của Quỹ</b>                                            | <b><i>năm 2025</i></b>  | <b><i>năm 2024</i></b>  | <b><i>năm 2023</i></b>  |
| Tiền lãi được nhận                                                 | 2.948.514.324           | 2.057.807.828           | 316.602.054             |
| Trái tức/cổ tức được nhận                                          | 387.700.000             | 668.850.000             | 2.490.586.931           |
| Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư                                      | -2.112.407.713          | 5.934.765.942           | -2.043.321.041          |
| Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 3.197.102.358           | (5.824.583.611)         | 10.397.241.841          |

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

#### **4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá, cơ cấu danh mục của Quỹ có sai lệch so với hạn chế đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau:

Tại ngày định giá 27/06/2025 và 30/06/2025, do biến động giá thị trường của các tài sản trong danh mục, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ TCFF trên Tổng tài sản vượt hạn mức tối đa 40%, chưa đáp ứng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ ngày định giá 01/07/2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC và cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép quy định tại Khoản 6 Điều 24 và khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

#### **5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN**

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

##### **A. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng**

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

|                                                                                        | <i>Từ ngày 01/01 đến<br/>30/06/2025</i> | <i>Từ ngày 01/01 đến<br/>30/06/2024</i> | <i>Từ ngày 01/01<br/>đến 30/06/2023</i> |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tổng chi phí trả Tổng công ty<br/>Lưu ký và Bù trừ chứng khoán<br/>Việt Nam (1)</b> | <b>79.200.000</b>                       | <b>79.200.000</b>                       | <b>79.200.000</b>                       |
| Tổng chi phí hoạt động (2)                                                             | 1.553.235.909                           | 1.921.269.986                           | 792.551.575                             |
| % Tổng chi phí hoạt động =<br>(1)/(2)                                                  | 5,10%                                   | 4,12%                                   | 9,99%                                   |
| Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và<br>chưa thực hiện (3)                                   | 2.867.673.060                           | 915.570.173                             | 10.368.558.210                          |
| % Lợi nhuận = (1)/(3)                                                                  | 2,76%                                   | 8,65%                                   | 0,76%                                   |
| Tổng Thu nhập đã thực hiện và<br>chưa thực hiện của Quỹ (4)                            | 4.420.908.969                           | 2.836.840.159                           | 11.161.109.785                          |
| % Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)                                                           | 1,79%                                   | 2,79%                                   | 0,71%                                   |

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Không áp dụng do bên nhận ủy quyền chỉ cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của VSDC nhận ủy quyền cho Quỹ TCFF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

#### B. Dịch vụ Lưu lý, giám sát và Quản trị Quỹ

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

|                                                                      | <i>Từ ngày 01/01 đến<br/>30/06/2025</i> | <i>Từ ngày 01/01 đến<br/>30/06/2024</i> | <i>Từ ngày 01/01 đến<br/>30/06/2023</i> |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tổng chi phí trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV (1)</b> | <b>325.560.293</b>                      | <b>413.718.870</b>                      | <b>264.675.956</b>                      |
| Tổng chi phí hoạt động (2)                                           | 1.553.235.909                           | 1.921.269.986                           | 792.551.575                             |
| % Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)                                   | 20,96%                                  | 21,53%                                  | 33,40%                                  |
| Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)                    | 2.867.673.060                           | 915.570.173                             | 10.368.558.210                          |
| % Lợi nhuận = (1)/(3)                                                | 11,35%                                  | 45,19%                                  | 2,55%                                   |
| Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)             | 4.420.908.969                           | 2.836.840.159                           | 11.161.109.785                          |
| % Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)                                         | 7,36%                                   | 14,58%                                  | 2,37%                                   |

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

|                                                                            | <i>Từ ngày 01/01<br/>đến 30/06/2025</i> | <i>Từ ngày 01/01<br/>đến 30/06/2024</i> | <i>Từ ngày 01/01<br/>đến 30/06/2023</i> |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tổng chi phí trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV</b>           | <b>325.560.293</b>                      | <b>413.718.870</b>                      | <b>264.675.956</b>                      |
| Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản                                      | 120.000.000                             | 120.000.000                             | 120.000.000                             |
| Phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán                                 | 73.150.759                              | 160.556.786                             | 7.362.145                               |
| Phí dịch vụ giám sát                                                       | 33.000.000                              | 33.000.000                              | 33.000.000                              |
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở                                                | 99.000.000                              | 99.000.000                              | 99.000.000                              |
| Phí ngân hàng                                                              | 409.534                                 | 1.162.084                               | 5.313.811                               |
| <b>Tổng chi phí trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam</b> | <b>79.200.200</b>                       | <b>79.200.200</b>                       | <b>79.200.200</b>                       |
| Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng                                           | 79.200.200                              | 79.200.200                              | 79.200.200                              |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCFF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG** 



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Phí Tuấn Thành**

